TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ QUAO** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **108/2024**/HNGĐ-ST
Ngày: 27-9-2024
"Tranh chấp về Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Nhập

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hạnh

Ông Trần Đắc Thắng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao: Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 123/2024/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 4 năm 2024 về việc "Tranh chấp về ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 30 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Danh Thị Bé N – sinh năm 1991 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp P, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn*: Anh Lư Tấn H – sinh năm 1992 (có đơn xin xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Khu phố P, Thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 06/4/2024 và tại phiên tòa, nguyên đơn Chị Danh Thị Bé N trình bày:

Vào năm 2010, chị kết hôn cùng với anh Lư Tấn H. Hôn nhân tự nguyện, gia đình hai bên có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương nhưng do không am hiểu pháp luật nên vợ chồng chị không có đăng ký kết hôn tại Cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Sau khi cưới chị và chồng chung sống hạnh phúc, đầm ấm với nhau khoảng 13 năm, thời gian sau đó thường xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị nghi ngờ chồng có mối quan hệ với người phụ nữ khác ở bên ngoài nên không quan tâm, lo lắng vợ con, từ đó vợ chồng thường xảy ra tranh cải, do có nhiều mâu

thuẫn nên vợ chồng chị đã tự ly thân từ giữa năm 2023 đến nay. Nay, chị xét thấy giữa chị và anh H không thể nào hàn gắn với nhau được nửa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng chị được ly hôn với nhau.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là Danh Tấn H1 – sinh ngày 27/8/2011 và Danh Tấn T – sinh ngày 12/6/2015. Hai con hiện nay đang sống cùng chị.

Tài sản chung, nợ chung: Chị Bé Năm xác định vợ chồng không có tài sản chung và cam kết vợ chồng không có nợ chung.

Tại phiên tòa: Về quan hệ hôn nhân: Chị Bé Năm yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lư Tấn H; Về con chung: Chị Bé Năm yêu cầu được nuôi hai con chung là Danh Tấn H1 và Danh Tấn T, chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; Tài sản chung, nợ chung: Chị Bé Năm xác định vợ chồng không có tài sản chung và cam kết vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và tại phiên hòa giải ngày 20/8/2024, bị đơn Anh Lư Tấn H thống nhất lời trình bày của chị B Năm về quan hệ hôn nhân, về con chung, về tài sản chung, nợ chung. Về nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng thì anh H cho rằng không phải như chị Bé N trình bày mà do trong cuộc sống vợ chồng có quá nhiều bất đồng nên chung sống không còn hòa hợp hay cải vả, không còn hạnh phúc. Nay, xét thấy giữa anh và vợ không thể nào hàn gắn với nhau được, vợ muốn ly hôn thì anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của vợ để trả cho cả hai sự tự do.

Về con chung: quá trình chung sống vợ chồng ông có 02 con chung là Danh Tấn H1 – sinh ngày 27/8/2011 và Danh Tấn T – sinh ngày 12/6/2015. Cả hai con hiện nay đang sống cùng với vợ anh.

Tài sản chung, nợ chung: Anh H xác định vợ chồng không có tài sản chung và cam kết vợ chồng không có nợ chung.

Nguyện vọng: Về quan hệ hôn nhân: Anh H đồng ý ly hôn với chị Danh Thị Bé N; Về con chung: Anh H đồng ý giao hai con chung là Danh Tấn H1 và Danh Tấn T cho chị B Năm tiếp tục nuôi, anh không cấp dưỡng nuôi con; Tài sản chung, nợ chung: Anh H xác định vợ chồng không có tài sản chung và cam kết vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình chung sống, do phát sinh mâu thuẫn không giải quyết được với nhau nên Chị Danh Thị Bé N khởi kiện xin ly hôn với Anh Lư Tấn H được Tòa án thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền được quy định tại Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (Bộ luật BLTTDS 2015).

Anh Lư Tấn H với tư cách là Bị đơn trong vụ án có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Xét việc vắng mặt này không gây trở ngại khi xét xử vụ án, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án vẫn được xét xử theo quy định.

[2] Về hôn nhân: Chị Danh Thị Bé N và Anh Lư Tấn H xác lập quan hệ hôn nhân với nhau vào năm 2010, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới tại địa phương nhưng anh chị không có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Quá trình chung sống cho đến nay anh chị cũng không thực hiện việc đăng ký kết hôn là đã vi phạm quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Do quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nên chị Bé N và anh H đều có nguyện vọng được ly hôn với nhau nhưng do hôn nhân của anh chị là hôn nhân không hợp pháp, tại thời điểm xét xử Luật Hôn nhân và gia đình đã được sửa đổi, bổ sung nên theo Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, HĐXX nghĩ nên căn cứ vào khoản 1 Điều 14 và Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân của chị Danh Thị Bé N và anh Lư Tấn H là quan hệ vợ chồng.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống Chị Danh Thị Bé N và Anh Lư Tấn H có 02 con chung là Danh Tấn H1 – sinh ngày 27/8/2011 và Danh Tấn T – sinh ngày 12/6/2015. Hai cháu hiện tại đang sống cùng với chị Bé N nên chị Bé N và anh H thỏa thuận sau khi ly hôn sẽ giao hai cháu Danh Tấn H1 và Danh Tấn T cho chị B Năm tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; cháu H1 và cháu T cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng với chị Bé N. Xét sự thỏa thuận nêu trên là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và phù hợp theo nguyện vọng của cháu H1 và cháu T. Do đó, HĐXX xem xét ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Danh Thị Bé N và Anh Lư Tấn H xác định vợ chồng không có tài sản chung và cam kết vợ chồng cũng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Án phí ly hôn bằng 300.000đ chị Danh Thị Bé N phải nộp do có yêu cầu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 131, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Danh Thị Bé N và anh Lư Tấn H là quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Giao hai con chung tên Danh Tấn H1 – sinh ngày 27/8/2011 và Danh Tấn T – sinh ngày 12/6/2015 cho chị B Năm trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận việc chị Bé N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật, không ai có quyền cản trở anh H thực hiện quyền này.

Khi cần thiết anh chị có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: HĐXX không xem xét.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Danh Thị Bé N phải chịu án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005928, ngày 22/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, chị Bé N đã nộp xong án phí hôn nhân sơ thẩm.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 27/9/2024.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 9 Luật thi hành án dân sự và các Điều 7, 7a, 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Kiên Giang;*
- *VKSND huyện Gò Quao;*
- *Chi cục THADS huyện Gò Quao;*
- *UBND xã;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Kim Nhập